TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST Ngày: 21/6/2022 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn "*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hồng Thi

- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 21/6/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý 229/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022 /QĐXX-HNGĐ ngày 28/ 04 /2022 Quyết định hoãn phiên tòa số 15 ngày 24/5/2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bị đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Xóm 2, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Chị H, và anh H đều có đơn đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 07/12/2021, biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2021, biên bản hòa giải ngày 22/4/2022 , đơn đề nghị xử vắng mặt ngày 10/5/2022, anh Huy trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị H đăng ký kết hôn ngày 06/5/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện, tuy nhiên hai bên chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh H chị H không chung sống cùng nhau bởi lý do chị H muốn anh H phải đến nhà mẹ đẻ chị H để sống cùng chị H. Lý do anh H từ chối không đến sống cùng chị H là do mẹ đẻ của anh H hiện đã già, sống một mình nên cần có người chăm sóc. Do vậy kể từ khi kết hôn hai bên sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh H thấy không còn tình cảm với chị Mến nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị H.

2. Về con chung: Anh H xác định vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Phương L, sinh ngày 03/12/2020. Khi ly hôn anh nhất trí để chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung và anh H đề nghị không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh là người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội nên không thể có điều kiện để cấp dưỡng.

3. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Anh H không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến chị của Đặng Thị H *Tại bản tự khai ngày 13/ 04/2021, biên bản hòa giải ngày 22/4/2022, đơn đề nghị xử vắng mặt ngày 20/6/2022, chị H trình bày:*

Chị xác định lời khai của anh Huy về thời gian kết hôn về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là đúng.

1.Về tình cảm: Chị nhất trí ly hôn với anh H vì tình cảm vợ chồng không còn.

2. Về con chung: Vợ chồng anh chị 01 con chung là Bùi Phương L, sinh ngày 03/12/2020 hiện đang ở với chị, khi ly hôn chị xin nuôi cháu L. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con vì anh H là người khuyết tật.

3. *Về tài sản chung, công nợ chung:* Chị H không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại Phiên tòa: Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Do bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình, nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo đúng quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Về thẩm xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con"* là đúng theo quy định tại Điều 28 BLTTDS năm 2015.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đảm bảo về hình thức và nội dung.

Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự; gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định theo quy định của BLTTDS năm 2015.

Việc giao nộp và thu thập tài liệu, chứng cứ: Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 và 97 của BLTTDS, những tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 71 BLTTDS năm 2015; Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không có mặt tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83,84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn H. Xử ly hôn giữa anh Bùi Văn H và chị Đặng Thị H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Bùi Phương L sinh ngày 03/12/2020, hiện đang ở với chị H để chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Bùi Văn H không phải nộp do được miễn án phí ly hôn theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Do bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình, nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo đúng quy định tại Điều 39 BLTTDS năm 2015.

2. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

1. Về quan hệ hôn nhân: Từ lời khai của đương sự từ kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Anh H và chị H kết hôn với nhau ngày 6/5/2020 đăng ký kết hôn tại UBND xã Y trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau khi kết hôn anh H và chị H cũng như hai bên gia đình đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân như các đương sự đã trình bày, Anh H và chị H đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Đây là căn cứ xác định tình cảm vợ chồng của vợ chồng anh H chỉ tồn tại trên pháp lý. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H chị H không chung sống với nhau và không còn khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc. Đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huy. Xử ly hôn giữa anh H và chị H là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thực tế các điều kiện về việc nuôi con hiện tại của hai bên anh H là người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội, còn chị H là công nhân có thu nhập ổn định, chị H cũng không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy cần giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Bùi Phương L, sinh ngày 03/12/2020 hiện ở với chị H đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H .

4. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí ly hôn*: Anh H không phải nộp vì anh là đối tượng được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Các điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83,84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn Huy. Xử ly hôn giữa anh Bùi Văn H và chị Đặng Thị H.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bùi Phương L, sinh ngày 03/12/2020 đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, anh Bùi Văn H, chị Đặng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình*
- *VKSND huyện N*
- *Chi cục THADS huyện N*
- *UBND xã Y..*
- *Đương sự.*
- *Lưu/.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hà Minh Lực

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình*
- *VKSND huyện N*
- *Chi cục THADS huyện N*
- *UBND xã Y..*
- *Đương sự.*
- *Lưu/.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Minh Lực